

Bản án số: 09/2020/HNGĐ - ST.

Ngày 23- 4 - 2020.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và bà Đoàn Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020, về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST - HNGĐ ngày 16/3/2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số: 01/TB - TA ngày 01/4/2020, Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số: 02/TB- TA ngày 16/4/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: xóm 7, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Lê Tuấn A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tuấn A vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án chị Nguyễn Thị Ánh T có quan điểm:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Tuấn A lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 27/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), thành phố P, tỉnh Hà Nam là do tự nguyện vì vợ chồng chị có thời gian tìm hiểu nhau trước khi kết hôn được

01 năm. Việc kết hôn cũng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại gia đình nhà anh Tuấn A được khoảng 01 năm thì giữa vợ chồng chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chị có những bất đồng về quan điểm sống, cách sống nên hay xảy ra cãi nhau. Vì thế cuộc sống chung của vợ chồng chị không có hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được. Do nhiều mâu thuẫn nên cuối năm 2015, chị đã bỏ về gia đình chị sinh sống và đi làm xa nhà nên vợ chồng chị sống ly thân cho đến nay và hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Đến nay, chị xác định tình cảm dành cho anh Tuấn A không còn nữa và mâu thuẫn giữa vợ chồng chị không thể khắc phục nên chị xin được ly hôn với anh Lê Tuấn A.

Về con chung: Chị và anh Tuấn A có 01 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 20/01/2014 (con trai) do anh Tuấn A đang nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi vợ chồng chị sống ly thân. Chị thấy thực tế hiện nay cháu Gia B ở với anh Tuấn A thuận lợi cho việc ăn ở cũng như sự phát triển của cháu. Vì vậy, khi ly hôn chị đề nghị giao cháu Gia B cho anh Tuấn A nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Tuấn A.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng chị không có. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Tuấn A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các văn bản tố tụng khác nhiều lần, nhưng không chấp hành giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án. Do vậy, không có quan điểm của anh Tuấn A.

* Ý kiến của ông Lê Văn V (bố đẻ anh Lê Tuấn A): Về hôn nhân của chị T và anh Tuấn A căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay thì đề nghị Tòa án cứ giải quyết ly hôn giữa chị T và anh Tuấn A; về con chung: chị T và anh Tuấn A có 01 con trai chung là cháu Lê Gia B đang ở với anh Tuấn A và ông từ khi chị T bỏ đi. Nguyên vọng của anh Tuấn A và gia đình ông khi chị T, anh Tuấn A ly hôn đề nghị Tòa án giao cho anh Tuấn A nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Gia B và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

* Quan điểm của đại diện Ủy ban nhân dân phường T: Tại biên bản làm việc ngày 25/02/2020, chính quyền địa phương có quan điểm: Đề nghị Tòa án căn cứ vào thực tế vợ chồng chị T và anh Tuấn A sống ly thân đã lâu và mâu thuẫn cũng đã trầm trọng để giải quyết cho vợ chồng anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án căn cứ vào thực tế điều kiện nuôi dưỡng cháu Gia B hiện nay và nguyện vọng của hai bên để xem xét việc nuôi con chung của hai bên anh chị nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của cháu Lê Gia B.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể anh Tuấn A không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án, vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, tại các phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh T.

- Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Lê Tuấn A.

- Về con chung: Giao anh Tuấn A nuôi dưỡng cháu Lê Gia B, sinh ngày 20/01/2014 cho đến khi cháu Gia B đủ 18 tuổi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Tuấn A.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ và nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh T có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn anh Lê Tuấn A có nơi cư trú tại tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T có đơn xin xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Lê Tuấn A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình trốn tránh nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa anh Lê Tuấn A vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh Tuấn A là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Lê Tuấn A có đăng ký kết hôn vào ngày 27/9/2013 tại UBND xã T (nay là phường T), thành phố P, tỉnh Hà Nam là hoàn toàn tự nguyện nên đã thỏa mãn với điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

[4] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chỉ có khoảng 01 năm chung sống hòa thuận và có con chung. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, cách sống bất đồng và vợ chồng anh chị hay xảy ra cãi nhau nên đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Quá trình giải quyết tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Tuấn A nhiều lần để tham gia các phiên họp hoà giải nhưng anh Tuấn A đều vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay anh Tuấn A vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó, chứng tỏ anh Tuấn A không mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng chị T và anh Tuấn A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị T và anh Tuấn A có 01 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 20/01/2014 (con trai), hiện nay cháu Gia B đang ở với anh Tuấn A. Xét nguyện vọng của chị T khi ly hôn giao cháu Lê Gia B cho anh Tuấn A nuôi dưỡng, chăm sóc và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy: Thời gian chị T và anh Tuấn A sống ly thân, cháu Gia B ở với anh Tuấn A và ông nội (bố đẻ anh Tuấn A) cháu vẫn phát triển tốt. Do vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Gia B và cũng là nguyện vọng của chị T, thì việc giao cháu Gia B cho anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và pháp luật cần được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí ly hôn: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Tuấn A thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử lý hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Lê Tuấn A.

[2] Về con chung: Giao anh Lê Tuấn A được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 20/01/2014 (con trai), cho đến khi cháu Lê Gia B trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Ánh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Lê Tuấn A.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ánh T phải nộp là 300.000đ. Chị T được đối trừ với 300.000đ, mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004426 ngày 03/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị T đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Duy

